

Số 36 /KH -THHM

Hệ Muông, ngày 22 tháng 8 năm 2022

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG** **Năm học 2022 - 2023**

### **I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;
- Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 4,5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 theo quy định tại công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Căn cứ Chương trình Tin học tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 và Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp 4,5.
- Căn cứ văn bản số 438/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2022 Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

trên địa bàn huyện Điện Biên;

- Căn cứ văn bản số 1957/SGDDT-GDMT ngày tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2022-2023;

Trường PTDTB TH xã Hẹ Muông xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2022 - 2023 như sau:

## **II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2022-2023**

### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Hẹ Muông là một xã vùng ngoài của huyện Điện Biên cách trung tâm huyện lỵ 30 km, giáp với các xã Núa Ngam, Na U, Na Tông, Sam Mứn. Tổng diện tích tự nhiên 7396,78ha trong đó cơ bản là đất đồi và sông suối, diện tích đất nông nghiệp 1538ha, đất lâm nghiệp 5576,44ha.

Nhân dân trong xã chủ yếu làm nông nghiệp, hầu như không có ngành nghề phụ, tỷ lệ đói nghèo còn 11,2%, đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Xã có 10 thôn bản với 4 dân tộc cùng chung sống (dân tộc Thái, Khơ mú, H.Mông, Kinh) với 2904 nhân khẩu và 629 hộ gia đình

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

#### *\* Thuận lợi:*

- Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt có luôn có được sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện cũng như các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

Ban giám hiệu có năng lực, năng động, sáng tạo, tập thể giáo viên trong nhà trường luôn đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công tác giáo dục. Trường có đội ngũ cốt cán là những giáo viên giỏi luôn năng động, sáng tạo trong hoạt động dạy học.

Học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, vở viết, được mượn đồ dùng học tập đầy đủ. Có đủ phương tiện trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên.

Nhà trường có khu nội trú cho học sinh và thực hiện dạy học cả ngày giúp

cho học sinh có điều kiện rèn luyện kiến thức và các kỹ năng sống.

*\* Khó khăn:*

Điều kiện kinh tế của nhân dân trên địa bàn xã khó khăn, mức thu nhập của người dân còn rất thấp, đời sống của nhân dân còn nghèo.

Cơ sở vật chất của 02 điểm trường (Ta Lét, Công Bình) có một số hạng mục công trình đã xuống cấp, chưa có tường bao kiên cố.

Một số gia đình phụ huynh học sinh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có nơi nương tựa; một số ít sống với ông bà và họ hàng nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc không được thường xuyên.

## **2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 – 2023**

### **2.1. Đặc điểm học sinh của trường**

Năm học 2022-2023 toàn trường có tổng số 13 lớp với số 233 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ/86/2015; TT/42/2013)				HS khuyết tật	Học sinh bán trú
						Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Khuyết tật		
1	4	47	25	47	25	16		15	1	1	
2	3	48	24	48	24	19		18	1	1	15
3	2	50	24	50	24	19		19			32
4	2	51	23	51	23	11		11			35
5	2	37	21	37	21	18		18			29
<b>Tổng</b>	<b>13</b>	<b>233</b>	<b>117</b>	<b>233</b>	<b>117</b>	<b>83</b>	<b>0</b>	<b>81</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>111</b>

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định, bình quân 17,9 học sinh/lớp

- Tỷ lệ học sinh nữ: 50,2%

### **2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

#### **a. Về số lượng, trình độ đào tạo**

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CD	TC	Khác	
CBQL	3				3		0	0	
GV	20	11	13		15	5	0	0	
NV	4	2	2		1	1	1	1	
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>13</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>6</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>

### ***b. Về cơ cấu đội ngũ***

- CBQL: 03 trong đó: 1 Hiệu trưởng; 2 Phó hiệu trưởng

- Tổng số giáo viên: 20, trong đó: Giáo viên tiểu học: 14, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01, Tin học và công nghệ: 01

- Tổng số nhân viên: 4 người; trong đó: Kế toán: 01; Y tế: 01; Thư viện-Thiết bị: 01; bảo vệ: 01.

### ***c. Về thuận lợi, khó khăn***

#### ***\* Thuận lợi***

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng anh: 2; Thể dục: 1; Âm nhạc: 1; Mỹ thuật: 1; Tin học và công nghệ: 1; giáo viên làm công tác Đội: 1). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

#### ***\* Khó khăn***

- Về đội ngũ giáo viên:

- + Còn 05 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo (Cao đẳng);
- + Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.

- Về đội ngũ nhân viên:

- + Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

- + Nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

- Về cán bộ quản lý:

- Sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo .

### **2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

- Tổng số phòng học: 13 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 8 phòng; điểm trường Na Côm: 1 phòng; điểm trường Na Dôn 1 phòng; điểm trường Ta lét 2 phòng; điểm trường Công Bình 1 phòng ).

- Tổng số phòng học bộ môn: 3 phòng, trong đó có 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng nghệ thuật

- Tổng số phòng chức năng: 21 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01; phòng Bảo 1 phòng; phòng công vụ 5; phòng ở nội trú 10.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

- + Tổng số máy chiếu: 12 (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn, nhà đa năng; 01 máy di động).

- + Máy chiếu vật thể: 03

- + Tủ âm loa, đài: 01 bộ

- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nhà bếp + Nhà ăn: 01. Nhà bếp, nhà ăn đủ cơ sở vật chất cho 100 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

### **3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đặc biệt là phụ huynh có con học lớp 3 năm học 2022-2023. Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3. Đối với lớp 4, lớp 5 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển

phẩm chất, năng lực học sinh.

Riêng đối với lớp 5 sử dụng tài liệu đã điều chỉnh về dạy học các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 Chương trình giáo dục phổ thông 2006 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh từ tháng 12/2020.

- Thực hiện Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 4, 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ GD&ĐT. Tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn đối với lớp 1, 2 môn tiếng anh bắt buộc đối với lớp 3 theo quy định tại công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT,

- Thực hiện Chương trình Tin học tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 và Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT đối với học sinh lớp 3, 4, 5.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD&ĐT đối với học sinh lớp 4, lớp 5. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

+ Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

- Tăng cường Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số: Thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”. Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 144/PGDĐT-GDMN ngày 10/2/2022 về việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

- Tổ chức thực hiện lớp ghép theo hướng dẫn số 9548/BGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Bộ giáo dục về việc hướng dẫn quản lý và tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học (2 lớp ghép trình độ 1+2 tại 2 điểm trường Na Dôn, Công Bình)

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

+ Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt

động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gắn gũi với học sinh.

Thực hiện nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vệ sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

+ Đối với môn học tự chọn: Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương năm học 2022-2023 môn học ngoại ngữ 1 tự chọn đối với học sinh lớp 1, 2.

+ Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc ... Tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, 2 được tiếp cận giáo dục Tin học. đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/tuần đối với lớp 1, 2; 33 tiết/ tuần đối với lớp 3 và 35 tiết/tuần đối với lớp 4, 5).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương .... Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

### **III. Mục tiêu giáo dục năm học 2022-2023**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Củng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu

cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

- Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lí, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy, phương pháp “Bàn tay nặn bột”...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục, tích cực đổi mới công tác quản lí giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí, thực hiện hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

## 2. Chỉ tiêu cụ thể

### 2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 233/233 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

### 2.2. Chất lượng giáo dục

#### a) Về môn học và hoạt động giáo dục

\* **Khối 1, 2, 3** (02 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Tổng cộng	
<b>Tổng số học sinh</b>		<b>47</b>		<b>48</b>		<b>50</b>		<b>145</b>	
<i>HS Khuyết tật</i>		<i>1</i>		<i>1</i>				<b>2</b>	
<b>HS được đánh giá</b>		<b>46</b>		<b>47</b>		<b>50</b>		<b>143</b>	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0
2. Toán	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0
3. Ngoại ngữ 1	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9



	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0	
4. Đạo đức	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1	
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0	
5. TN&XH	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1	
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0	
Nghệ thuật	6. Âm nhạc	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1
		HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0
	7. Mỹ Thuật	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1
		HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0
8. GDTC	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1	
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0	
9. HĐTN	HTT	24	52,2	25	53,2	27	54,0	<b>76</b>	53,1	
	HT	22	47,8	22	46,8	23	46,0	<b>67</b>	46,9	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	0,0	
10. Tin học và công nghệ	HTT					27	54,0	<b>27</b>	18,9	
	HT					23	46,0	<b>23</b>	16,1	
	CHT					0	0,0	<b>0</b>	0,0	

**\* Khối 4, 5:**

Khối lớp		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		51		37		88	
<i>HS Khuyết tật</i>							
<b>HS được đánh giá</b>		51		37		88	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
2. Toán	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
3. Tiếng Anh	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
4. Đạo đức	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
5. Khoa học	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
6. LS&ĐL	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>

	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
7. Âm nhạc	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
8. Mĩ thuật	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
9. Kĩ Thuật	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
10. Tin học	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>
11. GDTC	HTT	8	15,7	6	16,2	<b>14</b>	<b>15,9</b>
	HT	43	84,3	31	83,8	<b>74</b>	<b>84,1</b>
	CHT	0	0,0	0	0,0	<b>0</b>	<b>0,0</b>

**b) Những phẩm chất chủ yếu:**

**\* Khối 1, 2, 3:** (02 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Tổng cộng					
Tổng số HS	47						48						50						145					
HS Khuyết tật	1						1												2					
HS được đánh giá	46						47						50						143					
Phẩm chất	<i>Mức đạt được</i>																							
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	36	78,3	10	21,7	0	0,0	34	72,3	13	27,7	0	0	39	78	11	22	0	0	<b>109</b>	<b>76,2</b>	<b>34</b>	<b>23,8</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>
2. Nhân ái	34	73,9	12	26,1	0	0,0	35	74,5	12	25,5	0	0	37	74	13	26	0	0	<b>106</b>	<b>74,1</b>	<b>37</b>	<b>25,9</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>
3. Chăm chỉ	35	76,1	11	23,9	0	0,0	36	76,6	11	23,4	0	0	38	76	12	24	0	0	<b>109</b>	<b>76,2</b>	<b>34</b>	<b>23,8</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>
4. Trung thực	37	80,4	9	19,6	0	0,0	35	74,5	12	25,5	0	0	37	74	13	26	0	0	<b>109</b>	<b>76,2</b>	<b>34</b>	<b>23,8</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>
5. Trách nhiệm	34	73,9	12	26,1	0	0,0	36	76,6	11	23,4	0	0	39	78	11	22	0	0	<b>109</b>	<b>76,2</b>	<b>34</b>	<b>23,8</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>

**\* Khối 4, 5:**

Khối lớp	Khối 4						Khối 5						Tổng cộng											
Tổng số HS	51						37						88											
HS Khuyết tật													0											
HS được đánh giá	51						37						88											
Phẩm chất	<i>Mức đạt được</i>																							
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Chăm học, chăm làm	38	74,5	13	25,5	0	0	26	70,3	11	29,7	0	0	<b>64</b>	<b>72,7</b>	<b>24</b>	<b>27,3</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>						
2. Tự tin, trách nhiệm	39	76,5	12	23,5	0	0	24	64,9	13	35,1	0	0	<b>63</b>	<b>71,6</b>	<b>25</b>	<b>28,4</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>						
3. Trung thực, kỉ luật	40	78,4	11	21,6	0	0	25	67,6	12	32,4	0	0	<b>65</b>	<b>73,9</b>	<b>23</b>	<b>26,1</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>						
4. Đoàn kết, yêu thương	39	76,5	12	23,5	0	0	24	64,9	13	35,1	0	0	<b>63</b>	<b>71,6</b>	<b>25</b>	<b>28,4</b>	<b>0</b>	<b>0,0</b>						

c) Những năng lực cốt lõi:

\* **Khối 1, 2, 3:** (02 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Tổng cộng					
Tổng số HS	47						48						50						145					
HS Khuyết tật	1						1												2					
HS được đánh giá	46						47						50						143					
Năng lực	<i>Mức đạt được</i>																							
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<b>- Năng lực chung</b>																								
1. Tự chủ và tự học	23	50,0	23	50,0	0	0,0	29	61,7	18	38,3	0	0,0	30	60,0	20	40,0	0	0,0	82	57,3	61	42,7	0	0,0
2. Giao tiếp và hợp tác	25	54,3	21	45,7	0	0,0	28	59,6	19	40,4	0	0,0	29	58,0	21	42,0	0	0,0	82	57,3	61	42,7	0	0,0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	24	52,2	22	47,8	0	0,0	28	59,6	19	40,4	0	0,0	29	58,0	21	42,0	0	0,0	81	56,6	62	43,4	0	0,0
<b>- Năng lực đặc thù</b>																								
1. Ngôn ngữ	25	54,3	21	45,7	0	0,0	30	63,8	17	36,2	0	0,0	29	58,0	21	42,0	0	0,0	84	58,7	59	41,3	0	0,0
2. Tính toán	24	52,2	22	47,8	0	0,0	29	61,7	18	38,3	0	0,0	28	56,0	22	44,0	0	0,0	81	56,6	62	43,4	0	0,0
3. Khoa học	25	54,3	21	45,7	0	0,0	28	59,6	19	40,4	0	0,0	28	56,0	22	44,0	0	0,0	81	56,6	62	43,4	0	0,0
4. Thẩm mỹ	26	56,5	20	43,5	0	0,0	30	63,8	17	36,2	0	0,0	30	60,0	20	40,0	0	0,0	86	60,1	57	39,9	0	0,0
5. Thể chất	25	54,3	21	45,7	0	0,0	28	59,6	19	40,4	0	0,0	29	58,0	21	42,0	0	0,0	82	57,3	61	42,7	0	0,0

**\* Khối 4, 5:**

Khối lớp	Khối 4						Khối 5						Tổng cộng					
Tổng số HS	51						37						88					
HS Khuyết tật													0					
HS được đánh giá	51						37						88					
Năng lực	<i>Mức đạt được</i>																	
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tự phục vụ, tự quản	28	54,9	23	45,1	0	0,0	20	54,1	17	45,9	0	0,0	48	54,5	40	45,5	0	0,0
2. Hợp tác	29	56,9	22	43,1	0	0,0	21	56,8	16	43,2	0	0,0	50	56,8	38	43,2	0	0,0
3. Tự học, giải quyết vấn đề	27	52,9	24	47,1	0	0,0	20	54,1	17	45,9	0	0,0	47	53,4	41	46,6	0	0,0

**d) Kết quả giáo dục cuối năm học:**

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3:

Khối lớp	TSHS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL%	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	47	8	17,0	22	46,8	17	36,2	0	0	
2	48	8	16,7	22	45,8	18	37,5	0	0	
3	50	8	16,0	23	46,0	19	38,0	0	0	
Tổng	145	24	16,6	67	46,2	54	37,2	0	0	

- Hoàn thành chương trình lớp học: 196/196 đạt tỷ lệ 100% (gồm 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 37/37 đạt tỷ lệ 100%

**e) Các hoạt động khác:**

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.
- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,4,6 hàng tuần).
- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.
- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.
- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.
- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách, thăm quan các di tích lịch sử: 2lần/năm học.

**g) Khen thưởng cuối năm học:**

(02 học sinh khuyết tật không đánh giá)

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được khen thưởng		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/HS tiêu biểu	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	47	22	46,8	7	14,9	15	31,9
2	48	22	45,8	8	16,7	14	29,2
3	50	23	46,0	8	16,0	15	30,0
4	51	24	47,1	8	15,7	16	31,4
5	37	17	45,9	6	16,2	11	29,7
Tổng	233	108	46,4	37	15,9	71	30,5

#### IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

##### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Khối 1, 2, 3 theo Chương trình GDPT 2018; Khối 4,5 theo Chương trình hiện hành Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT)

TT	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
<b>I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc</b>																	
1	Tiếng Việt		<b>420</b>	216	204	<b>350</b>	180	170	<b>245</b>	126	119	<b>280</b>	144	136	<b>280</b>	144	136
2	Toán		<b>105</b>	54	51	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85
3	Đạo đức		<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
4	TN&XH		<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34						
5	Khoa học											<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
6	LS&DL											<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
		- Mỹ thuật	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
	Thủ công/Kỹ thuật											<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
8	Tin học và CN /KT								<b>70</b>	36	34	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
9	GDTC (Thể dục)		<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
10	Ngoại ngữ 1(TA)								<b>140</b>	72	68	<b>140</b>	72	68	<b>140</b>	72	68
11	Hoạt động trải nghiệm	-Chào cờ	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
		-HĐCĐ/NGLL	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
		-SHL	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
<b>II. Môn học tự chọn</b>																	
1	Tiếng dân tộc thiểu số																
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)		<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34									
<b>III. Hoạt động củng cố, tăng cường</b>																	
1	Tăng cường Toán		<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
2	Tăng cường Tiếng Việt		<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17			

3	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
<b>TỔNG</b>																
<b>Tổng số tiết/năm học</b> (không kể các môn học tự chọn)		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	558	527	1085	558	527
<b>Số tiết trung bình/tuần</b> (Không kể các môn học tự chọn)		27			27			30			32			32		
<b>Số tiết tự chọn/tuần</b>		3			3			1			1			1		
<b>Số tiết củng cố, tăng cường/tuần</b>		2			2			2			2			2		
<b>Số tiết/tuần</b>		32			32			33			35			35		
<b>Số buổi dạy/tuần</b>		9			9			9			9			9		
<b>Tổng số tiết/ năm học</b>		1.155			1.155			1.120			1.155			1.155		

## 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng ngày 5/9/2022	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu ngày 9/9/2022 (14/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Sáu ngày 14/10/2022 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 18/10/2021	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn	Tập trung toàn	Thứ Sáu ngày	BGH, TPTĐ, GV	Ban ĐDCMHS



	thầy giáo, cô giáo	văn nghệ	trường	18/11/2022	âm nhạc.	
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ năm ngày 22/12/2022 (60 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1+2	HĐTN	- Tổ chức Chợ xuân - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ năm ngày 19/01/2023 (28/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 3	HĐTN	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường	Thứ tư ngày 8/3/2023 (60 phút) đầu giờ	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	HĐTN	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối 4,5	Sáng thứ Sáu ngày 28/4/2023 (60 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐTN	- Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ; Viếng Nghĩa tràng Liệt sĩ A1.	Tập trung	Chủ nhật ngày 7/5/2023	CBGVNV, HS khối lớp 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

**2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường**

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/ tháng (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 15 phút	Tại sân trường	

		trường;		đến 17 giờ).		
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa	Tại trường	

### 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

\* Khung thời gian hoạt động trong ngày:

Thời gian		Hoạt động
<b>Buổi sáng</b>		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 00 phút	15 phút	Ra chơi
9 giờ 00 phút - 9 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 40 phút - 10 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 20 phút - 10 giờ 50 phút	30 phút	Tiết 5 ( <i>Thứ Sáu: khối 3, 4, 5</i> )
10 giờ 20 phút - 11 giờ 30 phút	70 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)
<b>Buổi chiều</b>		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 7
<b>Hoạt động cuối ngày</b>		
<b>Thời gian</b>		<b>Nội dung</b>
16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút	20 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; ...
<b>Đòi hỏi học sinh nội trú</b>		

5 giờ 00 phút đến 5 giờ 30 phút	30 phút	Vệ sinh cá nhân, phòng ở
5 giờ 30 phút đến 6 giờ 00 phút	30 phút	Thẻ đục buổi sáng
6 giờ 00 phút đến 6 giờ 60 phút	30 phút	ăn sáng
6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút	Tham gia học tập và các hoạt động của trường	
16 giờ 30 phút đến 18 giờ 00 phút	1 giờ 30 phút	- Vệ sinh cá nhân
18 giờ 00 phút đến 18 giờ 30 phút	30 phút	- Ăn tối
18 giờ 30 phút đến 19 giờ 00 phút	30 phút	- Xem ti vi
<b>Tối thứ 2+4:</b> từ 19 giờ đến 20 giờ 30 phút	1 giờ 30 phút	- Tham gia học tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm
<b>Tối thứ 3:</b> từ 19 giờ đến 20 giờ 30 phút	1 giờ 30 phút	- Tham gia các hoạt động trò chơi, văn nghệ
<b>Tối thứ 5:</b> từ 19 giờ đến 20 giờ 30 phút	1 giờ 30 phút	- Tham gia các hoạt động trò chơi, văn nghệ, họp nội trú
Từ 20 giờ		Ngủ tại phòng ở

**\* Đối với các điểm trường lẻ:**

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường .

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023. cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Lớp 1 ngày 29/8/2022, các khối 2,3,4,5 ngày 1 tháng 9 năm 2022

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022

Học kỳ I: Từ ngày 6/9/2022 kết thúc ngày 15/1/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2023 kết thúc ngày 25/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2023.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế

hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

**\* Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	A. Môn học và Hoạt động giáo dục		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Ghi chú
			Theo TT32	Theo TT 32	Theo TT 32	Theo QĐ 16	Theo QĐ 16	
1	Tiếng Việt		12	10	7	8	8	
2	Toán		3	5	5	5	5	
3	Tiếng Anh				4	4	4	
4	Đạo đức		1	1	1	1	1	
5	TN&XH		2	2	2			
6	LS&ĐL					2	2	
7	Khoa học					2	2	
8	Tin học và công nghệ				2	2	2	
9	GDTC		2	2	2	2	2	
10	Nghệ thuật	Âm nhạc	1	1	1	1	1	
		Mỹ thuật	1	1	1	1	1	
11	HĐTN (khối 1, 2,3)		3	3	3			
12	Kỹ thuật					1	1	
13	HĐGDNGLL (khối 4, 5)					2	2	
14	Tăng cường tiếng việt		1	1	1			
15	Đọc sách tại thư viện		1	1	1	1	1	
<b>Tổng số tiết/tuần</b>			<b>27</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	
<b>B. Tự chọn</b>								
1	Tiết tăng toán+Tiếng việt		2	2	2	2	2	
2	Tiếng Anh		2	2				
3	Câu lạc bộ		1	1	1	1	1	
<b>Tổng</b>			<b>5</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	
<b>Tổng chung/tuần</b>			<b>32 tiết</b>	<b>32 tiết</b>	<b>33 tiết</b>	<b>35 tiết</b>	<b>35 tiết</b>	

**\* Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

**V. Giải pháp thực hiện**

**1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC phòng Tin học và Ngoại ngữ.

**2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ**

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong và ngoài huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018.

### **3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường, cấp huyện theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy;

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018...

### **4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo

trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

### **5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp**

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

### **6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và nội trú**

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá; tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm...

- Xây dựng kế hoạch tổ chức nội trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, tổ chức cho học sinh ăn theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng sinh hoạt và ở tại trường sạch sẽ khoa học đảm bảo sức khỏe. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh nội trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và nội trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn

thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh các trường PTDT bán trú

Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với học sinh nội trú theo nghị định 116/2015 của chính phủ

Tổ chức các hoạt động ăn, nghỉ phù hợp khoa học đảm bảo sức khỏe cho học sinh

Tổ chức cho học sinh tham gia học tập buổi tối tại lớp học tập chung ôn tập và bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho học sinh

### **7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật**

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Tin học, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

### **8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số**

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.



## **9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng**

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

## **10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác dạy học và quản lý**

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên tại “Trường học kết nối” trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

- Tích cực tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đội thiếu niên tiên phong HCM, sao nhi đồng.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Đối với Hiệu trưởng**

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã và Phòng GD&ĐT về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kỳ; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

### **2. Đối với Phó hiệu trưởng**

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn nhà trường, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt

động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.
- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

### **3. Đối với tổ trưởng chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

### **4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM**

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

### **5. Đối với giáo viên chủ nhiệm**

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác

khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

### **6. Đối với giáo viên phụ trách môn học**

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

### **7. Đối với nhân viên**

#### **7.1. Nhân viên TV+TB**

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

- Tuyên truyền đề CBGV,NV và học sinh tích cực đọc sách;

- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

#### **7.2. Nhân viên Y tế**

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

#### **7.3. Nhân viên kế toán**

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

#### **7.5. Nhân viên bảo vệ**

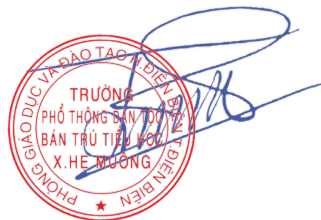
- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 của trường PTDTBT Tiểu học xã Hẹ Muông./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Ngô Ngọc Tấn**